

PHỤ LỤC

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: *HTM* /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày *31* tháng *12* năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
Trang trại nông nghiệp công nghệ cao tổng hợp của Hợp tác xã
Nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét Biên bản của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại nông nghiệp công nghệ cao tổng hợp của Hợp tác xã nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận, họp ngày 21 tháng 10 năm 2021;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại nông nghiệp công nghệ cao tổng hợp đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Công văn giải trình số 20/CV-VT ngày 28 tháng 11 năm 2021 của Hợp tác xã nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 777/TTr-STNMT ngày 07 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại nông nghiệp công nghệ cao tổng hợp (sau đây gọi là Dự án) của Hợp tác xã nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Bồ Trách và các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật về kết quả kiểm tra, giám sát.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Bồ Trách; Chủ tịch UBND xã Tây Trách; Chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đoàn Ngọc Lâm

ĐỒNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 782 Quyển số: 2 - SCT/BS

Ngày: 05-05-2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRUNG TRÁCH



Nguyễn Văn Chung

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN TRANG TRẠI NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TỔNG HỢP
(kèm theo Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021
của UBND tỉnh Quảng Bình)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Trang trại nông nghiệp công nghệ cao tổng hợp
- Chủ dự án: Hợp tác xã nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận
- Người đại diện: Ông Nguyễn Đức Dẫn; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Địa chỉ: Thôn Võ Thuận 1, xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
- Điện thoại: 0916964686

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Trang trại nông nghiệp công nghệ cao tổng hợp với diện tích 30.000m².

- Quy mô công suất: Xây dựng khu chuồng trại với quy mô 12.000 con lợn thịt thương phẩm/năm, mỗi năm 2 lứa, mỗi lứa 6.000 con; xây dựng nhà ở cho công nhân, kho thức ăn và dụng cụ; xây dựng các hạng mục xử lý môi trường, khu vực ủ và chứa phân, đường giao thông nội bộ và các hạng mục công trình phụ trợ khác.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

Các tác động môi trường chính của dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước thải chăn nuôi, nước mưa chảy tràn, bụi, khí thải, mùi hôi, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chăn nuôi, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành dự án.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Trong giai đoạn xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân lao động của dự án với tổng khối lượng khoảng 2 m³/ngày đêm. Thông số đặc trưng ô nhiễm: tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, tổng Nitơ, tổng Phốtpho, Amoni, dầu mỡ, coliforms...

- Nước thải xây dựng phát sinh chủ yếu từ các hoạt động vệ sinh thiết bị thi công, bảo dưỡng công trình, nước trộn vữa, bê tông, phun ẩm các tuyến đường... Thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải chủ yếu là xi măng, bùn đất, cát...

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn qua bề mặt khu vực có khả năng cuốn theo bụi, đất, cát và các chất lơ lửng vào nguồn nước mặt trong khu vực. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát...

2.2.2. Trong giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân lao động của dự án khoảng 1,0 m³/ngày đêm. Thông số đặc trưng ô nhiễm: tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, tổng Nitơ, tổng Phốtpho, Amoni, dầu mỡ, coliforms.

- Nước thải chăn nuôi phát sinh từ quá trình xịt rửa chuồng trại, vệ sinh dụng cụ, nước tắm cho lợn, nước thải tách từ phân, với tổng lượng nước thải chăn nuôi khoảng 77,67 m³/ngày đêm.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn qua bề mặt các khu vực, sân đường với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, cát, đất...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

2.3.1. Trong giai đoạn xây dựng

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào đắp, tập kết nguyên vật liệu thi công, hoạt động thi công xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu, bụi do đất cát bám vào bánh xe từ khu vực thi công ra các tuyến đường; từ hoạt động của các động cơ sử dụng nhiên liệu hoá thạch...

- Thông số đặc trưng ô nhiễm: bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC.

2.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Khí thải, mùi hôi từ hoạt động chăn nuôi lợn, từ khu vực ủ và chứa phân thành phẩm, từ khu vực xử lý nước thải...

- Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

2.4.1. Trong giai đoạn xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ước tính khoảng 13,25 kg/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: giấy loại, các loại lon nước, túi nilon, bao bì, hộp đựng thức ăn...

- Chất thải rắn từ quá trình phát quang cây cối, thảm thực vật, từ quá trình thi công xây dựng, tổng lượng khoảng 0,5 tấn. Thành phần chủ yếu: bê tông, gạch, đá, gỗ vụn, thực vật bị chặt bỏ...

2.4.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ước tính khoảng 5,3 kg/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: giấy loại, các loại lon nước, túi nilon, bao bì, hộp đựng thức ăn...

- Chất thải rắn từ quá trình chăn nuôi: Lượng phân thải khoảng 9,97 m³/ngày

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Trong giai đoạn xây dựng: chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công dự án khoảng 82-102 kg/thời gian thi công. Thành phần chủ yếu: Các loại dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ,...

- Trong giai đoạn vận hành phát sinh ước tính khoảng 17 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: kim tiêm, chai lọ đựng thuốc phòng dịch, khử trùng, bóng đèn vỡ, giẻ lau nhiễm dầu mỡ, pin, ắc quy hỏng, vỏ bao dính chất thải nguy hại, dầu thải...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

a) Nước thải sinh hoạt

- Lắp đặt nhà vệ sinh lưu động để thu gom toàn bộ nước thải vệ sinh của công nhân và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến hút, thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định. Sau khi hoàn thành giai đoạn thi công xây dựng, chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành bóc dỡ nhà vệ sinh lưu động.

- Yêu cầu cán bộ, công nhân thường xuyên giữ vệ sinh chung, đặc biệt là khu nhà vệ sinh.

- Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

b) Nước thải xây dựng:

- Thường xuyên kiểm tra khơi thông các mương thoát nước, không để rác thải, cành cây... gây tắc nghẽn các tuyến thoát nước của khu vực.

- Không tập trung nguyên vật liệu, vật tư gần các tuyến thoát nước.

- Bố trí hố lắng tạm thời để thu gom nước xịt rửa bánh xe để lắng cặn trước khi thoát ra môi trường.

- Lót đáy bằng các vật liệu như các tấm kim loại hay sử dụng các loại máy trộn tại các vị trí trộn vữa bê tông, xi măng để hạn chế nước trộn thấm vào đất.

- Đối với nước làm sạch dụng cụ xây dựng tái sử dụng cho việc bảo dưỡng công trình.

c) Nước mưa chảy tràn

- Hạn chế các hoạt động đào, đắp vào những ngày mưa lớn để hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn trôi bùn đất gây bồi lấp khu vực dự án và khu vực xung quanh.

- Thu dọn nạo vét các mương thoát nước trong quá trình thi công.

- Các điểm tập kết vật liệu, nhà xe, nhà chứa thiết bị thi công phải được che chắn cẩn thận để tránh nước mưa chảy tràn cuốn theo dầu mỡ, đất đá, bụi xi măng... vào nguồn tiếp nhận.

- Tạo các rãnh thoát nước mưa trên khu vực đang thi công dẫn đến bể lắng $3m^3$ (dài 3m, rộng 1m, sâu 1m) trong phạm vi dự án để lắng cặn trong nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra môi trường.

d) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Giám sát thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng và các loại nước thải khác phát sinh trong quá trình thi công thực hiện dự án đều được thu gom, xử lý, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành; thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn khu vực công trường thi công, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực dự án; đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3.1.2. Trong giai đoạn vận hành

a) Nước thải

- Nước thải xám và nước thải nhà bếp được dẫn qua bể tách dầu mỡ trước khi dẫn vào hồ xử lý sinh học thứ nhất để xử lý cùng nước thải chăn nuôi.

- Nước thải đen được xử lý qua hầm cầu tự hoại rồi dẫn về bể lắng để xử lý cùng nước thải chăn nuôi.

- Nước thải chăn nuôi sau khi đi qua bể lắng và máy tách phân để lắng và tách một phần lớn phân trước khi dẫn vào hầm biogas, nước thải sau xử lý ở hầm biogas tiếp tục được xử lý ở 2 hồ sinh học, trong đó hồ sinh học thứ 2 tiến hành nuôi cá và thả bèo. Nước thải sau xử lý ở hồ sinh học thứ 2 đạt quy chuẩn được chảy vào hồ chứa kết hợp nuôi cá.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Nước thải trong quá trình hoạt động của dự án phải được thu gom và xử lý đảm bảo đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi trước khi thoát ra môi trường; đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

b) Nước mưa chảy tràn:

- Thiết kế hệ thống thoát nước mưa độc lập với hệ thống thoát nước thải. Bố trí hệ thống đường ống UPVC D110 để thu nước mưa mái từ các công trình

khu nhà phục vụ chuồng nuôi, khu vực hành chính, các công trình phụ trợ khác. Sau đó, nước mưa được thu gom về các hố ga rồi dẫn vào các mương thoát nước B700, dọc tuyến bố trí các hố ga lắng cặn để thu gom nước mưa của khu vực dự án rồi thoát ra hồ chứa nước dự phòng để tận dụng tưới cây trong khuôn viên dự án, có bố trí cửa xả để thoát ra rãnh thoát nước (tụ thủy) ở phía Đông dự án trước khi thoát ra hồ Trọt Hóp.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Xây dựng hệ thống thu gom, lắng lọc, thoát nước mưa chảy tràn đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3.2. Giảm thiểu phát sinh bụi, khí thải

3.2.1. Trong giai đoạn xây dựng

- Áp dụng biện pháp thi công đào, đắp và san lấp tạo mặt bằng theo hình thức cuốn chiếu, thi công đến đâu tiến hành san gạt, vận chuyển nguyên vật liệu về khu vực công trình đến đó.

- Thực hiện phun ẩm tại khu vực thi công, khu vực tập kết nguyên vật liệu, trên tuyến đường phía Bắc dự án với tần suất hợp lý tùy thuộc vào điều kiện thời tiết, tăng tần suất phun ẩm khi thời tiết nắng nóng, khô hanh, nhiều gió.

- Che chắn xung quanh khu vực dự án bằng bạt cao 2m để hạn chế tác động của bụi phát tán làm ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe người dân khu vực lân cận.

- Lựa chọn các phương tiện cơ giới đồng bộ, thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng các thiết bị máy móc.

- Che chắn các bãi chứa nguyên vật liệu trong quá trình thi công để hạn chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

- Bố trí công nhân thường xuyên vệ sinh khu vực bãi tập kết nguyên vật liệu sau mỗi ngày làm việc.

- Sử dụng bạt che phủ kín thùng xe, làm vệ sinh quanh thùng xe trước khi khởi hành; xe vận chuyển phải thực hiện đúng quy định về tải trọng và tốc độ cho phép khi lưu thông.

- Chủ dự án có trách nhiệm cử công nhân dọn dẹp đất cát vật liệu rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển do hoạt động vận chuyển của dự án gây ra.

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển đã được đăng kiểm để giảm tiêu hao nhiên liệu, giảm lượng khí thải phát sinh trong quá trình vận chuyển.

- Hạn chế tập kết nguyên vật liệu vào thời điểm khu vực có mưa để hạn chế lượng bùn bám dính bánh xe ra các đường vận chuyển.

- Lắp đặt trạm rửa xe ở cổng chính dự án, bố trí hố lắng để lắng cặn trong nước xịt rửa trước khi thoát ra môi trường.

3.2.2. Trong giai đoạn vận hành

- Thiết kế, xây dựng chuồng trại thoáng mát, lắp đặt các quạt làm mát và hút mùi.

- Thiết kế hệ thống mương thoát nước thải kín, chạy ngầm phía dưới nền chuồng trại có nắp đan đậy kín để thuận lợi cho việc vệ sinh, dội rửa.

- Xây dựng hệ thống thu nước thải đảm bảo thu và thoát hết nước. Cao độ của hệ thống thu gom nước thải theo nguyên tắc tự chảy từ nền chuồng đến các mương thu và dẫn về bể xử lý.

- Nền chuồng được láng bê tông và phải đảm bảo không trơn trượt, có độ dốc 1-3% xuôi về phía rãnh thoát nước để đảm bảo thoát nước dễ dàng khi dội rửa. Toàn bộ lượng nước phải được thoát hết không gây ứ đọng trên nền làm mát vệ sinh và phát sinh mùi hôi.

- Xung quanh chuồng trại xây dựng tường rào bao quanh cao >2m.

- Bố trí hố khử trùng ở cổng và cửa ra vào Trang trại và tại mỗi chuồng nuôi.

- Giảm thiểu mùi hôi trong quá trình nuôi nhốt: Thực hiện tốt công tác vệ sinh chuồng trại, thu dọn phân và dội rửa mương tắm hằng ngày; lượng phân phía trên chuồng được thu gom thủ công và đưa về khu vực ủ phân, phần còn lại được xịt về phía cuối mương tắm để xả cùng với nước tắm của heo, nước xịt rửa theo hệ thống ống thu kín ra hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi; phun chế phẩm EM TECH-GREEN để khử mùi hôi; bố trí mỗi chuồng trại 12 quạt hút công suất 1,1kW để hút mùi khu vực chuồng nuôi.

- Giảm thiểu mùi hôi tại khu vực nhà ủ và chứa phân: Tiến hành ủ liên tục theo hình thức cuốn chiếu phân tươi được vận chuyển vào trong ngày; khu vực ủ phân được xây cao, có mái che và xung quanh được xây tường gạch để hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn trôi phân ra ngoài khu vực dự án; thường xuyên giám sát đồng ủ, đảm bảo các chỉ tiêu nhiệt độ, độ ẩm, dinh dưỡng, pH,... ở điều kiện tối ưu theo thiết kế, tăng cường hoạt động đảo trộn để tăng cường hiệu quả quá trình ủ, giảm thiểu sự phát sinh các khí gây mùi; sử dụng bạt phủ các đồng phân thành phẩm hay bao gói phân thành phẩm để hạn chế mùi phát tán; đảm bảo môi trường khu nhà ủ và chứa phân thông thoáng.

- Giảm thiểu tác động do bụi, khí thải và mùi hôi từ quá trình vận chuyển lợn giống về Trang trại và lợn thịt đi tiêu thụ: Sử dụng phương tiện vận chuyển chuyên dụng: sàn thiết kế có rãnh thoát nước, sàn cấu tạo 02 đáy hoặc hầm chứa để thu hồi chất thải; đảm bảo cung cấp đủ không gian để động vật có thể đứng, nằm ở vị trí tự nhiên; chiều cao của thành khoang chứa đảm bảo động vật không thoát ra ngoài trong quá trình vận chuyển; khoang chứa động vật tách biệt với khoang chứa người điều khiển phương tiện; che chắn (mũi, bạt); mũi, bạt được làm từ vật liệu không thấm nước; phương tiện vận chuyển, dụng cụ chứa

đựng và các trang thiết bị khác được vệ sinh, khử trùng, tiêu độc trước và sau khi vận chuyển; vệ sinh cho lợn sạch sẽ trước khi vận chuyển; thu gom phân phát sinh trong quá trình vận chuyển lợn giống để xử lý ủ làm phân bón tại khu vực Trang trại.

- Biện pháp giảm thiểu mùi hôi do chất thải sinh hoạt: xử lý chất thải vệ sinh bằng hầm cầu tự hoại xây ngầm dưới khu nhà vệ sinh trước khi dẫn vào xử lý cùng với nước thải chăn nuôi; thường xuyên vệ sinh sạch sẽ nhà vệ sinh.

3.2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá hiệu quả của các công trình, giải pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành, cụ thể: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Trong giai đoạn xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng đựng rác 100 lít tại khu vực dự án để thu gom rác thải. Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý định kỳ theo đúng quy định.

- Đối với chất thải rắn xây dựng: Sắt, thép loại, vỏ bao xi măng... loại thải được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu. Đá, vữa thải loại... được thu gom và tận dụng vào công tác đắp nền và hoạt động xây dựng. Các loại không tận dụng được phải thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý định kỳ theo quy định.

3.3.2. Trong giai đoạn vận hành

* Chất thải rắn sinh hoạt

- Khu văn phòng: bố trí 02 thùng thu gom rác 100 lít tại khu nhà điều hành để thu gom rác thải sinh hoạt.

- Tại khu vực chuồng nuôi nhốt, ở 04 nhà kho thức ăn, mỗi nhà kho trang bị 01 thùng đựng rác 200 lít.

- Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đi xử lý định kỳ theo đúng quy định.

* Chất thải từ hoạt động chăn nuôi

- Phân từ các chuồng nuôi lợn được thu gom đưa về khu vực ủ phân để tiến hành ủ làm phân compost bón cho cây trồng. Khu vực ủ và chứa phân có diện

tích khoảng 451,3 m², nền bê tông và có mái che, đảm bảo không bị tác động do nước mưa chảy tràn.

- Tại các khu chuồng trại sẽ định kỳ phun chế phẩm sinh học để khử mùi hôi, giúp phân còn sót lại trong quá trình thu gom phân hủy nhanh tại khu vực chuồng trại.

3.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải rắn thông thường theo đúng quy định, áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý trong quá trình xây dựng và hoạt động nhằm tránh gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, đáp ứng các yêu cầu tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác về an toàn, bảo vệ môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

3.4.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- Không sửa chữa các phương tiện, máy móc tại khu vực dự án mà thực hiện tại các gara, nhà xưởng chuyên dụng đã đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Bố trí thùng chứa chất thải nguy hại 100L có nắp đậy kín, dán biển cảnh báo chất thải nguy hại đặt tại khu vực lán trại để thu gom chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

- Định kỳ hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng xử lý chất thải nguy hại vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

3.4.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- Bố trí 02 thùng đựng chất thải nguy hại có dung tích 200 lít có nắp đậy kín, dán nhãn chất thải nguy hại để lưu chứa các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án và lưu giữ tại nhà kho; hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại định kỳ vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định pháp luật liên quan.

- Đối với lợn chết do dịch bệnh phải báo ngay cho cơ quan chức năng để phối hợp xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; QCVN 01-41:2011/BNNPTNT Quy

chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

3.4.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Tuân thủ quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác về an toàn, bảo vệ môi trường.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi.
- Hệ thống thu gom thoát nước mưa.
- Khu vực chứa, ủ phân.
- Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giám sát trong giai đoạn xây dựng

5.1.1. Giám sát chất lượng không khí

- Chỉ tiêu giám sát: Tổng bụi lơ lửng, độ ồn, NO₂, SO₂.
- Vị trí giám sát:
 - + K₁: Mẫu không khí tại giữa khu vực dự án;
 - + K₂: Mẫu không khí tại tuyến đường phía Bắc dự án;
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; CVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

5.1.2. Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

5.2. Giám sát trong quá trình vận hành thử nghiệm

Giám sát chất lượng nước thải

* Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải: (75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm).

- Vị trí lấy mẫu:

Để đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải, thiết kế các vị trí lấy mẫu đánh giá cho các công đoạn xử lý như sau:

+ Vị trí số 1: Đầu vào của hệ thống xử lý nước thải của dự án (tại hồ thu trước khi vào hầm Biogas).

+ Vị trí số 2: Nước thải sau khi ra khỏi bể Biogas để dẫn về hồ sinh học thứ nhất.

+ Vị trí số 3: Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải của dự án (Tại hồ cá - Hồ chứa), trước khi thoát ra mương thoát nước để chứa nước và tận dụng tưới cây.

- Tần suất lấy mẫu: 15 ngày/lần lấy và phân tích mẫu tổ hợp tại các vị trí trên.

- Thông số phân tích: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, TSS, sunfua, amoni, tổng nitơ, tổng phốtpho, tổng coliform.

- Quy chuẩn so sánh:

+ Phụ lục D, Bảng D1 của QCVN 01-79:2011/BNNPTNT: Cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm - Quy trình kiểm tra, đánh giá điều kiện vệ sinh thú y;

+ QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

* Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải:

- Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 7 ngày liên tiếp.

- Vị trí lấy mẫu:

+ Vị trí số 1: Đầu vào của hệ thống xử lý nước thải của dự án (tại hồ thu trước khi vào hầm Biogas).

+ Vị trí số 3: Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải của dự án (Tại hồ nuôi cá - Hồ chứa), trước khi thoát ra mương thoát nước để chứa nước và tận dụng tưới cây.

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, TSS, sunfua, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform.

+ Phụ lục D, Bảng D1 của QCVN 01-79:2011/BNNPTNT: Cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm - Quy trình kiểm tra, đánh giá điều kiện vệ sinh thú y;

+ QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

5.3. Trong quá trình vận hành của dự án

5.3.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Chỉ tiêu giám sát: NO₂, SO₂, bụi, tiếng ồn, độ rung...

- Vị trí giám sát:

+ K₁" : Khu vực chuồng nuôi nhốt;

+ K₂" : Khu vực xử lý nước thải

+ K₃" : Khu vực tuyến đường phía Bắc dự án;

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần hoặc khi có sự cố, hay theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

5.3.2. Giám sát chất lượng nước mặt

- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Photphat, amoni, Nitrat, Nitrit, coliform.

- Vị trí lấy mẫu phân tích: Mẫu nước hồ Trọt Hóp, cách khu đất dự án khoảng 800m về phía Bắc.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.3.3. Giám sát chất lượng nước thải

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, TSS, sunfua, amoni, tổng nito, tổng phôtpho, tổng coliform.

- Vị trí lấy mẫu phân tích:

N'1: Đầu vào của hệ thống xử lý nước thải của dự án (tại hồ thu trước khi vào hầm Biogas).

N'2: Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải của dự án (Tại hồ nuôi cá - Hồ chứa).

- Tần suất: 3 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn so sánh:

+ Phụ lục D, Bảng D1 của QCVN 01-79:2011/BNNPTNT: Cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm - Quy trình kiểm tra, đánh giá điều kiện vệ sinh thú y;

+ QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

5.3.4. Giám sát công tác thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết để giảm thiểu tối đa ô nhiễm bụi, tiếng ồn, độ rung, khí thải, mùi hôi, nước thải, nước mưa chảy tràn, chất thải nguy hại và chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện dự án, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

6.2. Áp dụng các biện pháp phòng chống và xử lý dịch bệnh trong quá trình chăn nuôi để không để lây lan dịch bệnh. Khi phát hiện vật nuôi bị dịch bệnh phải báo cáo ngay với các cơ quan chức năng có liên quan để kịp thời kiểm tra, xử lý theo quy định của Luật Thú y và các quy định khác có liên quan.

6.3. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động của dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Bồ Trạch và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan để phối hợp giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

6.4. Xây dựng, đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

6.5. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan xác định chính xác ranh giới thực hiện dự án; Thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông; cải tạo, sửa chữa, khôi phục các công trình hạ tầng kỹ thuật bị hư hỏng, xuống cấp được xác định do hoạt động của dự án.

6.6. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp cải thiện môi trường lao động, trang bị và sử dụng bảo hộ lao động phù hợp với từng vị trí làm việc.

6.7. Thực hiện chương trình giám sát môi trường như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; cập nhật, lưu giữ số liệu và định kỳ báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.8. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của chủ dự án sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt quy định tại Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019.

6.9. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường./

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Số: 3101091841

Đăng ký lần đầu, ngày 9 tháng 10 năm 2020

1. Tên hợp tác xã

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: **HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO VÕ THUẬN**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài: VO THUAN HIGH TECHNOLOGY AGRICULTURAL COOPERRATIVE

Tên hợp tác xã viết tắt: HỢP TÁC XÃ NNCNC VÕ THUẬN

2. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Võ Thuận 1, Xã Tây Trạch, Huyện Bồ Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Điện thoại: 0916964686 Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161 (chính)
2	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
3	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
4	Sản xuất điện	3511

4. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 (Mười tỷ đồng)

5. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Họ và tên : NGUYỄN ĐỨC DẪN Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 26/02/1978 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 194045435

Ngày cấp: 21/08/2015 Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 4, Xã Trung Trạch, Huyện Bồ Trạch, Quảng Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: thôn 4, Xã Trung Trạch, Huyện Bồ Trạch, Quảng Bình, Việt Nam



Nguyễn Văn Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *3651/QĐ-UBND*

Quảng Bình, ngày *12* tháng *11* năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Hợp tác xã Nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận thuê đất để thực hiện dự án Trang trại nông nghiệp công nghệ cao tổng hợp tại xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 4748/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Trang trại nông nghiệp công nghệ cao tổng hợp của Hợp tác xã Nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận;

Căn cứ Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Bố Trạch; *4*



Xét đơn xin thuê đất của Hợp tác xã Nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận ngày 18 tháng 10 năm 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 627/TTr-STNMT ngày 26 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Hợp tác xã Nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận (địa chỉ trụ sở chính: Thôn Võ Thuận 1, xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình) thuê **29.999,8 m²** (Hai mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín phẩy tám mét vuông) đất (Hợp tác xã Nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm của hộ gia đình, cá nhân) tại xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp khác (thực hiện dự án Trang trại nông nghiệp công nghệ cao tổng hợp).

Vị trí, kích thước, ranh giới khu đất được xác định theo bản chính lý địa chính thửa đất số 165, thuộc Tờ bản đồ số 9, xã Tây Trạch do Công ty TNHH Đại Phương lập ngày 22/6/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 01/7/2021, kèm theo Quyết định này.

Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 17 tháng 12 năm 2050.

Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện các công việc sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Chủ trì xác định phương pháp định giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất; Trường hợp áp dụng phương pháp so sánh trực tiếp, thu nhập, chiết trừ, thặng dư thì tổ chức lập phương án giá đất gửi Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá đất cụ thể; Trường hợp áp dụng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất thì chi đạo Văn phòng Đăng ký đất đai chuyên thông tin địa chính để Cục Thuế xác định nghĩa vụ tài chính cho Hợp tác xã Nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận.

- Ký hợp đồng thuê đất; xác định cụ thể mốc giới và bàn giao đất trên thực địa; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Hợp tác xã Nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận sau khi đơn vị đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định; tổ chức chỉnh lý hồ sơ địa chính.

2. Cục Thuế xác định các khoản nghĩa vụ tài chính và thông báo cho Hợp tác xã Nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Hợp tác xã Nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận có trách nhiệm sử dụng khu đất được cho thuê theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan. ✓

4. Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Bồ Trạch; Chủ tịch UBND xã Tây Trạch; Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã Nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận và Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh đăng tải Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm THCB - VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 701..... Quyển số: 01..... SCT/BS

Đoàn Ngọc Lâm

Ngày 05-05-2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRUNG TRẠCH



Nguyễn Văn Chung

BẢN SAO:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO VÕ THUẬN
Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã số: 3101091841, đăng ký lần đầu
ngày 09 tháng 10 năm 2020
Cơ quan ký: Phòng Tài chính - Kế hoạch - Ủy ban nhân dân huyện Bồ Trạch
Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Võ Thuận 1, xã Tây Trạch, huyện Bồ Trạch, tỉnh
Quảng Bình

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



4 4 1 9 1 8 0 2 2 0 1 1 4 9 2

DD 165592

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 165, tờ bản đồ số: 9
- b) Địa chỉ: Thôn Võ Thuận 1, xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
- c) Diện tích: 29999,8 m² (bằng chữ: Hai mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín phẩy tám mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp khác
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 17 tháng 12 năm 2050
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần

2. Nhà ở: -/-

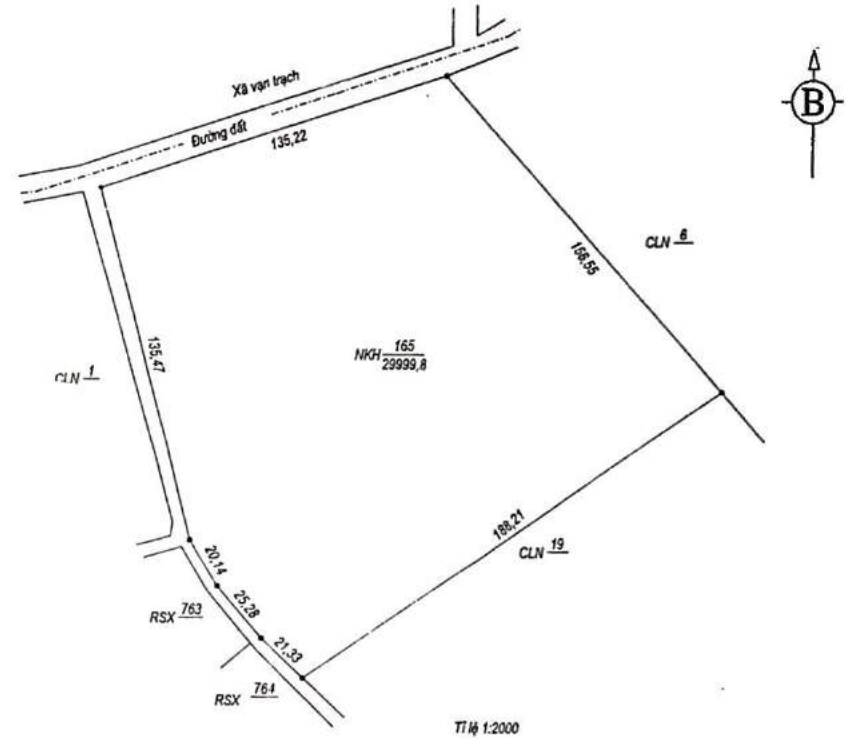
3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Quảng Bình, ngày 21 tháng 01 năm 2022

TRUNG THỰC BÀN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH **LIÊN HỢP THAY ĐỔI SAU KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**

hàng thực: 206 Quyền số: 1 - SCT/HS

TU QU CHỦ TỊCH

KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Ngày: 05-05-2022

PHÓ GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH BAN NHÂN DÂN XÃ TRUNG TRẠCH

Nguyễn Văn Chung

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý		Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp GCN: CT/14492

Số: 651./TD-PCCC

BẢN SAO:.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/ND-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 02/TTr-CTy ngày 01/12/2021 của: Hợp tác xã Nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận.

Người đại diện là: Ông Nguyễn Đức Dân

Chức danh: Chủ tịch HĐQT.

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH
CHỨNG NHẬN

**DỰ ÁN: TRANG TRẠI NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TỔNG HỢP
CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO VÕ THUẬN**

Địa điểm xây dựng: Xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Chủ đầu tư: Hợp tác xã Nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận.

Đơn vị lập thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật Quảng Bình; Công ty TNHH Cơ điện lạnh và PCCC Bách Khoa.

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bố trí mặt bằng, khoảng cách an toàn PCCC;
- Giao thông phục vụ chữa cháy;
- Lối thoát nạn cho người;
- Hệ thống điện cấp cho PCCC;
- Hệ thống chống sét;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà;
- Bố trí phương tiện chữa cháy ban đầu.

Quy mô dự án/công trình/phương tiện và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2.

Nơi nhận:

- C07 - Bộ Công an; Số chứng thực: 705..... Quyền số: 05-2023
- Công an huyện Bố Trạch;
- Hợp tác xã Nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận;
- Lưu: PC07(TM).

TRONG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Quảng Bình, ngày 03 tháng 12 năm 2021
TRƯỞNG PHÒNG
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRUNG TRẠCH

Thiếu tá Dương Tuấn Anh

Nguyễn Văn Chung

**QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN VÀ DANH MỤC
CÁC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

*(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy
số 654/TĐ-PCCC, ngày 03 tháng 1 năm 2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH
Công an tỉnh Quảng Bình)*

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
I	QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN	
	<p>Dự án: Trang trại nông nghiệp công nghệ cao tổng hợp của Hợp tác xã Nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận được xây dựng trên khu đất có diện tích khoảng 30.000m² gồm các hạng mục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 05 chuồng trại chăn nuôi 01 tầng, diện tích xây dựng mỗi chuồng 1737,6m². - Khu nhà quản lý trang trại 01 tầng, diện tích xây dựng 228,7m². - 04 kho thức ăn + kho dụng cụ 01 tầng, diện tích xây dựng mỗi kho 124,5m². - Khu nhà ở công nhân 01 tầng, diện tích xây dựng 124,3m². - Nhà cân 01 tầng, diện tích 451,3m². - Bể nước PCCC có khối tích 200m³. - Đường giao thông nội bộ, cây xanh và các hạng mục phụ trợ khác. 	
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ	
1	Bản vẽ định vị công trình	BV.01
2	Bản vẽ kiến trúc công trình	KT.01÷06 BV.01÷08
3	Bản vẽ hệ thống điện cấp cho PCCC	BV.02
4	Bản vẽ hệ thống chống sét	BV.08 BV.09
5	Bản vẽ bố trí phương tiện chữa cháy ban đầu	BV.04÷08
6	Bản vẽ hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà	BV.03 BV.06 BV.07
7		
8		
9		
10		

HỘI LHPN XÃ TÂY TRẠCH
BAN THƯỜNG VỤ
Số: 13 /HKKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tây Trạch, ngày 28 tháng 12 năm 2022

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
VỀ VIỆC THU GOM, VẬN CHUYỂN RÁC THẢI TẠI HTX NÔNG NGHIỆP
CÔNG NGHỆ CAO VÕ THUẬN

- Căn cứ Luật thương mại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.

- Căn cứ Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về quy định giá các sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Bình về điều chỉnh quy định giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước tại Phụ lục 3 ban hành theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh Quảng Bình.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 12 năm 2022

Tại: UBND xã Tây Trạch - huyện Bố Trạch - tỉnh Quảng Bình.

Chúng tôi gồm có:

I. BÊN A: HTX NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO VÕ THUẬN

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Ông: Nguyễn Đức Dẫn: | Chức vụ: Chủ tịch HĐQT hợp tác xã |
| 2. Ông : Nguyễn Quý Sơn | Chức vụ: Quản lý trang trại hợp tác xã |
| 3. Bà: Nguyễn Thị Ngân | Chức vụ: Kế toán hợp tác xã |

Địa chỉ cơ quan: Xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Mã số thuế: 3101091841

Số tài khoản: 124000083604 NH VIETINBANK, chi nhánh Bố Trạch, Quảng Bình

II. BÊN B: ĐẠI DIỆN BCH HỘI LHPN XÃ TÂY TRẠCH (Đơn vị thu gom rác thải)

Bà: Hồ Thị Hoà

Chức vụ: Chủ tịch Hội LHPN xã Tây Trạch

Địa chỉ: Thôn Sỏi, xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Tài khoản số: 3801205358090, Tại Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT chi nhánh Bắc Quảng Bình.

Điện thoại: 0919650015

Hai bên cùng nhau thỏa thuận thống nhất ký hợp đồng thu gom rác thải tại khu chăn nuôi HTX Nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng:

Bên A giao cho bên B nhận thu gom vận chuyển rác thải cho bên A tại khu chăn nuôi HTX Nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận (01 điểm tập kết rác). Việc thu gom rác thải phải đảm bảo vệ sinh môi trường cho các hộ lân cận, không để rác tồn đọng, hoạt động thường xuyên liên tục 2 lần/tháng vào ngày 14, 28 trong tháng (Dương lịch). (Trong quá trình thực hiện, nếu có điều chỉnh về thời gian thì hai bên phải thống nhất với nhau để thực hiện.)

Điều 2. Thời hạn hợp đồng:

1 năm kể từ ngày ký, từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 (sau thời gian hết hợp đồng hai bên thỏa thuận được ký hợp đồng tiếp). Bên A có quyền hủy hợp đồng khi bên B không thực hiện đúng cam kết.

Điều 3: Giá cả và phương thức thanh toán:

Hình thức: Trả tiền theo tháng (thiếu, thừa bên B tự chịu trách nhiệm)

Giá cả: Tính theo chuyến: 1.800.000 đồng/chuyến (trong đó 1.000.000 đồng tiền xe vận chuyển, 800.000 đồng tiền thuê bốc).

Phương thức thanh toán: Tiền mặt

Điều 4. Trách nhiệm, quyền hạn của mỗi bên:

Đối với bên B:

Có trách nhiệm thu gom và vận chuyển rác thải tại các điểm tập kết của HTX điểm tập kết rác của UBND tỉnh Quảng Bình đúng thời gian quy định.

Đối với bên A:

- Có trách nhiệm phân loại rác hữu cơ, vô cơ để bỏ đúng nơi quy định. Tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân bên B thu gom thuận tiện.

- Có trách nhiệm thanh toán tiền cho bên B đầy đủ và đúng lịch.

Điều 5. Các điều khoản khác:

- Nếu có những nội dung phát sinh không được nêu trong hợp đồng thì áp dụng theo các văn bản hiện hành để xử lý.

- Trong quá trình thực hiện các quy định đã ghi trong hợp đồng, nếu có nội dung chưa đầy đủ thì hai bên tự trao đổi thống nhất, để cùng nhau giải quyết.

Điều 6. Hiệu lực hợp đồng:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, được thỏa thuận nhất trí giữa 2 bên và lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị hợp pháp như nhau./.


ĐẠI DIỆN BÊN A

[Handwritten signature]

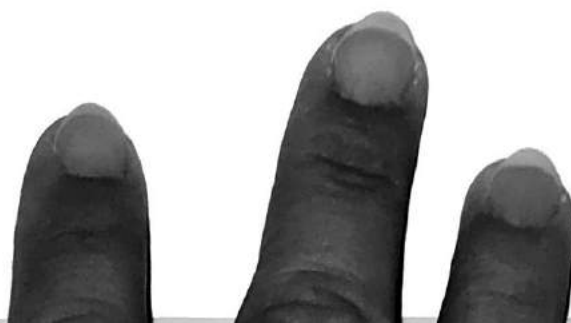
Nguyễn Đức Dân

ĐẠI DIỆN BÊN B
[Handwritten signature]
Giáo Chủ I bca

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ

HỒ CHỮ TÍCH

[Handwritten signature]
Nguyễn Văn Hậu

[Handwritten mark]



- Nếu có những nội dung phát sinh không được nêu trong hợp đồng thì áp dụng theo các văn bản hiện hành để xử lý.

- Trong quá trình thực hiện các quy định đã ghi trong hợp đồng, nếu có nội dung chưa đầy đủ thì hai bên tự trao đổi thống nhất, để cùng nhau giải quyết.

Điều 6. Hiệu lực hợp đồng:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, được thỏa thuận nhất trí giữa 2 bên và lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị hợp pháp như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

[Handwritten signature]

Nguyễn Đức Dân

ĐẠI DIỆN BÊN B
[Handwritten signature]
Phó Chủ tịch

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ

HỒ CHỮ TÍCH
[Handwritten signature]
Nguyễn Văn Hậu

[Handwritten signature]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

BIÊN BẢN BÀN GIAO NGHIỆM THU THIẾT BỊ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 20092022/ TC - NQS ký ngày 20 tháng 09 năm 2022 giữa Công ty TNHH Tư vấn Phát triển Công nghệ Thành Công và Nguyễn Quý Sơn
Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2022 Tại trang trại chăn nuôi lợn của bên A, chúng tôi
gồm

BÊN A (Đơn vị nhận): NGUYỄN QUÝ SƠN

Địa chỉ : TT. Hoàn Lão, Bố Trạch, Quảng Bình .

1. Ông/bà : Chức vụ :

Điện thoại:

2. Ông/bà : Chức vụ :

Điện thoại:

BÊN B (Đơn vị giao): CÔNG TY TNHH TƯ VẤN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÀNH CÔNG

Địa chỉ Số 151 Vương Thừa Vũ, P. Khương Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

1 Ông: **Trần Đình Hoàn** Chức vụ : Giám đốc

Điện thoại: 0972.379.483

2. Ông/bà : Chức vụ :

Điện thoại:

Cùng tiến hành bàn giao và nghiệm thu thiết bị với nội dung cụ thể sau:

1. THIẾT BỊ HAI BÊN ĐÃ GIAO - NHẬN:

Bên B bàn giao cho Bên A đầy đủ thiết bị như sau:

Tên thiết bị	Số lượng (Máy)	Ghi chú
Máy lọc phân hữu cơ sử dụng trong các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm Model : MCG1200 - Công suất máy : 25-50 m ³ /h (tùy độ đậm đặc) - Điện áp: 380V/ 3pha / 50 Hz - Kích thước: 2280 x 1400 x 1500mm - Sản xuất tại: Trung Quốc <u>Chi tiết máy bao gồm:</u> 1.Sàng trượt nghiêng cô đặc phân - Vật liệu: Toàn bộ bằng inox 304 - Kích thước khoảng: 1200 x 1100 (mm) - Motor rung: 120W	01	Mới 100%

<p>2. Máy trục vít ép khô phân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại máy trục vít - Vật liệu: Toàn bộ bằng inox 304 - Điện năng tiêu thụ: 4kW/h có hộp số giảm tốc <p>3. Bơm hút khuấy chất thải</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bơm chìm chuyên dụng, có cánh cắt rác - Motor bơm: 3kW/h <p>4. Tủ điều khiển dùng cho máy tách và máy bơm (đồng bộ theo máy)</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Automat tổng, 03 role và 03 khởi động từ để bảo vệ và điều khiển motor máy tách, motor rung và bơm. - Vật liệu bằng inox - Có đèn báo hoạt động <p>5. Phụ kiện khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống nhựa mềm lõi thép 15 m - Dây điện 3 pha: 20m - Palang xích treo bơm - Phụ kiện lắp đặt khác.... 		
---	--	--

II. CHẤT LƯỢNG THIẾT BỊ:

Toàn bộ thiết bị trên đều được hai bên A - B kiểm tra chất lượng đạt chuẩn đúng theo hợp đồng đã ký.

III. KẾT LUẬN

Bên B đã hoàn thành việc lắp đặt máy lọc phân hữu cơ sử dụng trong các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm cho trang trại chăn nuôi lợn của anh Nguyễn Quý Sơn. Máy sau khi lắp đặt hoạt động tốt và đã được bàn giao hướng dẫn đưa vào sử dụng.

Bên B đồng ý giao, bên A đồng ý nhận thiết bị nêu trên. Hai bên đồng ý nghiệm thu thiết bị. Biên bản này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

GIÁM ĐỐC

Trần Đình Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG

HPT

**CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ
HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH**

**Công trình:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TRANG TRẠI NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TỔNG HỢP
Công suất 80m³/ngày.đêm
Địa điểm: Xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch
tỉnh Quảng Bình**



For you, For me, For everything



I. GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG BÌNH THƯỜNG

Tổng quan: Khi hệ thống hoạt động ở trạng thái bình thường có các tín hiệu được hiển thị tại tủ điều khiển thông qua hệ thống đèn báo như sau:

- 3 đèn báo pha cùng sáng. Nếu 1 trong 3 đèn tắt có nghĩa là mất 1 pha hệ thống sẽ dừng hoạt động.

- Đèn xanh: báo hoạt động bình thường của các thiết bị. Trường hợp thiết bị đang trong thời gian nghỉ theo lập trình, đèn xanh vẫn tắt và sẽ sáng lại khi thiết bị đến chu kỳ hoạt động theo lập trình.

- Đèn đỏ: báo lỗi thiết bị.

- Còi hú: báo hệ thống có sự cố.

- Nút nhấn khẩn cấp: Tắt hệ thống khẩn cấp khi có sự cố.

1. Bể điều hòa

- Bể điều hòa đã được xây dựng sẵn, lót bạt chống thấm. Nước sau đó được 2 bơm luân phiên bơm sang bể thiếu khí theo thời gian được tính toán và cài đặt sẵn trên logo tủ điều khiển.

2. Bể thiếu khí

Tại đây nước được cấp một lượng khí hạn chế bằng 2 đĩa khí có điều chỉnh lưu lượng phù hợp. Nước sau tự chảy sang bể hiếu khí (bể aerotank).

3. Bể hiếu khí (bể aerotank):

Tại đây được lắp hệ thống đĩa tán khí tinh và được cấp khí liên tục. Các giá thể di động được thả vào làm tăng diện tích tiếp xúc lên đến từ $350 - 600\text{m}^2/\text{m}^3$ làm đẩy nhanh quá trình xử lý nước thải. Hai đầu bể được lắp các sọt chắn giá thể để ngăn giá thể trôi sang bể thiếu khí và bể lắng. Nước sau đó tự chảy sang bể lắng.

4. Bể lắng

Nước đi qua ống lắng trung tâm, phần cặn lắng xuống đáy, phần nước trong tự chảy sang bể khử trùng. Tại bể khử trùng bơm định lượng sẽ bơm nước clo pha sẵn vào bể để khử trùng trước khi nước chảy vào bể chi thị dùng cho tưới cây nội bộ.

5. Bể chứa bùn

Tại bể lắng sẽ có bơm bùn định kỳ bơm vào bể chứa bùn, định kỳ 3-6 tháng sẽ hút bùn 1 lần tùy vào tình hình thực tế.

II. HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH

Hệ thống được điều khiển hoàn toàn tự động (trừ khâu pha hóa chất clo vào bồn khử trùng), các thiết bị luân phiên hoạt động. Công việc chủ yếu của người vận hành là kiểm tra các hoạt động của thiết bị có ổn định hay không. Nếu thiết bị nào đến lượt mình mà không hoạt động thì báo cho phía lắp đặt để được trợ giúp. Định kỳ vệ sinh các phao điện của bể thu gom, điều hòa, bể lắng.

1. Các bước chuẩn bị trước khi vận hành

** Chuẩn bị hóa chất:*

- Clo: mỗi lần pha cân chính xác 02kg/lượt đổ vào bồn hóa chất, bật bơm dự phòng bơm đầy bồn sau đó khuấy để clo bột tan hết, đây nắp bồn lại. Thông thường ngày sẽ pha một lần vào buổi sáng, nếu trong bồn còn nước thì pha clo ít lại sao cho đúng tỷ lệ nói trên.

** Khi làm việc gần các bể xử lý và nhà điều hành:*

- Công nhân vận hành phải là công nhân kỹ thuật, đã được đào tạo cơ bản về cơ điện.

- Phải nắm được yêu cầu công nghệ và qui trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải.

- Nắm vững các sơ đồ điện và điều khiển của hệ thống

- Phải nắm được các qui định an toàn về điện, an toàn trong vận hành, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh trong khu vực xử lý

- Phải tuân thủ qui trình vận hành .

- Kiểm tra điện phải có đầy đủ đồ nghề để kiểm tra như: bút thử điện, đồng hồ đo.

- Trong quá trình vận hành, thiết bị đang hoạt động, công nhân phải có mặt khoảng 15 phút ít nhất 2 lần/ngày trong khu xử lý. Thường xuyên kiểm tra tất cả các thiết bị đang vận hành trong toàn bộ hệ thống (trong nhà điều hành cũng như ở các bể xử lý).

- Phải có sổ trực, ghi tất cả các thông số kỹ thuật, thời gian hoạt động của từng thiết bị và các sự cố xảy ra của từng công đoạn trong quá trình.

- Nếu có 2 người tham gia trực theo ca thì mỗi ca trực phải giao ca cụ thể, rõ ràng, có ghi vào sổ trực, ca sau phải đến trước 15ph để bàn giao nhận ca.

2. Vận hành, bảo dưỡng thiết bị

a. Giám sát hàng ngày

Mục tiêu của việc giám sát là tìm hiểu về quá trình hoạt động của các công trình trong hệ thống xử lý để điều chỉnh các thông số vận hành nhằm đạt hiệu quả xử lý tối ưu, khắc phục các sự cố (nếu có) kịp thời.

TT	Công việc	Tình trạng bình thường	Sự cố	Giải quyết
1	Đèn của toàn bộ hệ thống tủ điều khiển	Màu xanh	- Màu đỏ - Còi hú kêu	Nhấn nút tắt khẩn cấp và liên lạc đơn vị tư vấn hỗ trợ
2	Hệ phân phối khí	Khí được sục đều ở bê hiếu khí.	- Van bị khoá - Máy thổi khí không hoạt động - Hệ phân phối khí hỏng	- Kiểm tra van - Liên lạc đơn vị cung cấp thiết bị hoặc đơn vị tư vấn
3	Kiểm tra máy thổi khí	Hai máy thổi khí hoạt động luân phiên mỗi cái thay phiên chạy 1h, nghỉ 5 giây đã được cài đặt trong tủ điện.	- Hệ thống điện. - Cháy động cơ	- Kỹ thuật kiểm tra hệ thống điện. - Liên lạc đơn vị cung cấp thiết bị
4	Máy bơm chìm bê điều hòa và bơm bùn	Các bơm trong bể thu gom chạy luân phiên theo phao điện 3 mức nước, có nước	- Hệ thống điện. - Hệ thống phao 3 mức nước bị bùn bám bản	- Kỹ thuật kiểm tra hệ thống điện, vệ sinh dây phao, vệ sinh cánh bơm.

		chạy hết nước nghỉ. Bơm trong điều hòa chạy luân phiên; có nước chạy, không có nước nghỉ. Bơm bùn chạy 3 phút nghỉ 1h.	- Rác quần vào cánh bơm hoặc cháy bơm	- Liên lạc đơn vị cung cấp thiết bị
5	Bơm định lượng	Bơm định lượng chạy theo bơm điều hòa bơm clo khử trùng vào bể khử trùng trước khi thải ra ngoài.	Bơm hóa chất không ra Không hoạt động	- Kiểm tra hệ thống ống dẫn. - Kiểm tra công tắc, bơm.
6	Các sự cố bất thường: - Nước tràn ra bể. - Đường ống vỡ - Thiết bị phát ra tiếng ồn bất thường.			- Kỹ thuật kiểm tra hệ thống. - Liên lạc đơn vị cung cấp lắp đặt thiết bị.

b. Vệ sinh thiết bị

Vệ sinh phao 3 mức nước (phao điện) tháng/lần cho các bể.

c. Bảo dưỡng định kỳ

TT	Công việc	Chu kỳ thực hiện (tháng)			
		1	3	6	12
A	VỆ SINH CÁC BỂ				
	Hút bùn bể chứa bùn			x	
B	THIẾT BỊ				
	Thay nhớt máy thổi khí, bơm định lượng			x	
	Kiểm tra các đĩa khí				x
	Kiểm tra các máy khuấy			x	

d. Tủ điều khiển và mô tả hoạt động

Vị trí	Thiết bị	Chức năng	Mô tả hoạt động	Tình trạng bình thường
1	Đèn báo	Báo mất pha	- Nếu điện mất pha, 1 trong 3 đèn sẽ tắt	Tất cả sáng
2.1	Công tắt	Điều khiển chế hoạt động máy thổi khí	- Auto: 2 máy thổi khí hoạt động luân phiên (2h) nghỉ (2h).	Chế độ Auto
2.2	Công tắt	Điều khiển chế hoạt động các máy Bơm.	- Auto: hoạt động theo mực nước phao tại các bể và chế độ được cài sẵn.	Chế độ Auto
3	Đèn đỏ	Đèn tín hiệu	- Có sự cố.	Tắt
4	Đèn xanh	Điều khiển thiết bị	- Đèn sẽ sáng khi thiết bị đang hoạt động. - Đèn tắt khi thiết bị không hoạt động.	Mở Tắt

5	Còi báo	Báo hiệu có sự cố	- Không hú: hệ thống hoạt động bình thường. - Hú: hệ thống có sự cố.	Không hú
---	---------	-------------------	---	----------

IV. PHẠM VI TRÁCH NHIỆM

Trong thời gian vận hành thích nghi hệ thống xử lý nước thải, cán bộ của Công ty cổ phần công nghệ môi trường HPT chịu trách nhiệm thực hiện việc vận hành theo đúng quy trình trên. Đồng thời, hướng dẫn vận hành cho cán bộ của phía chủ đầu tư. Sau khi đã được hướng dẫn vận hành (có biên bản bàn giao), cán bộ bên chủ đầu tư chịu trách nhiệm vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình trên. Đối với người lạ, không được tự ý đi lại trên các bể xử lý, không được tự điều khiển tủ điện và các thiết bị, máy móc, van điều khiển, hệ thống dây phao, hóa chất... khi không có sự hướng dẫn của cán bộ vận hành. Trường hợp xảy ra sự cố kỹ thuật mà cán bộ của chủ đầu tư không có khả năng khắc phục, cần liên hệ ngay với Công ty cổ phần công nghệ môi trường HPT.

Hotline: 0912.637.898 - 0983.005.008



Số: 483/TNN - QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số: 1/1

No:

TEST REPORT

Page:

- Tên mẫu:** Nước thải chăn nuôi.
- Khách hàng:** HTX nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận.
Địa chỉ: Thôn Võ Thuận 1, xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích:** Báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 1 năm 2023 tại Trang trại nông nghiệp công nghệ cao tổng hợp.
- Số lượng mẫu:** 02.
- Ngày nhận mẫu:** 01/6/2023.
- Ngày phân tích:** 01-12/6/2023.
- Mẫu do khách hàng gửi:** .
- Mẫu do phòng QTMT lấy:** .
- Kết quả phân tích:**

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả		QCVN 62-MT:2016/BTNMT	
				T ₁	T ₂	Giá trị giới hạn	
						A	B
1	pH	TCVN 6492:2011		7,80	7,23	6 - 9	5,5 - 9
2	Lưu lượng	SOP.QTMT-TB14	m ³ /h	3,1	3,08	-	-
3	Chất rắn lơ lửng	TCVN 6625:2000	mg/l	380	145	50	150
4	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	623	387,33	-	-
5	BOD ₅ (20°C)	SMEWW 5210D:2017	mg/l	2.750	325	40	100
6	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	4.368	520	100	300
7	Tổng Nitơ	TCVN 6624-2:2000	mg/l	773,6	389,7	50	150
8	Tổng Photpho	SMEWW 4500-P.B&E:2017	mg/l	103,96	31,85	-	-
9	Sunfua *	SMEWW 4500 S ² -B&D:2017	mg/l	<0,05	<0,05	-	-
10	Tổng Coliform*	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	16.000	9.400	3.000	5.000

Ghi chú: - Kết quả này có giá trị cho mẫu được kiểm tra;

- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ (VIMCERTS 061);

- Tên mẫu, vị trí lấy mẫu, tên khách hàng, mục đích được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

Vị trí lấy mẫu:

- + T₁ (NT₄₄₃): Tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải (hồ thu trước khi vào hầm biogas).
- + T₂ (NT₄₄₄): Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (tại hồ nuôi cá).

Trưởng phòng thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 12 tháng 6 năm 2023.

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Đặng Minh Hoàng



Số: 184/TNN - QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/1

No:

Page:

- Tên mẫu:** Nước mặt.
- Khách hàng:** HTX nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận.
Địa chỉ: Thôn Võ Thuận 1, xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích:** Báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 1 năm 2023 tại Trang trại nông nghiệp công nghệ cao tổng hợp.
- Số lượng mẫu:** 01:
- Ngày nhận mẫu:** 01/6/2023.
- Ngày phân tích:** 01-12/6/2023.
- Mẫu do khách hàng gửi:**
- Mẫu do phòng QTMT lấy:**
- Kết quả phân tích:**

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT			
					Giá trị giới hạn			
				M ₁	A ₁	A ₂	B ₁	B ₂
1	pH	TCVN 6492: 2011		7,21	6-8,5	6-8,5	5,5-9	5,5-9
2	Chất rắn lơ lửng	TCVN 6625:2000	mg/l	68	20	30	50	100
3	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,49	0,3	0,3	0,9	0,9
4	Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	mg/l	1,13	2	5	10	15
5	Nitrit (tính theo N)	TCVN 6178:1996	mg/l	<0,02	0,05	0,05	0,05	0,05
6	BOD ₅ (20°C)	SMEWW 5210D:2017	mg/l	10,7	4	6	15	25
7	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	16,6	10	15	30	50
8	Photphat	TCVN 6202:2008	mg/l	<0,02	0,1	0,2	0,3	0,5
9	Coliform *	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	1.600	2.500	5.000	7.500	10.000

Ghi chú: - Kết quả này có giá trị cho mẫu được kiểm tra;

- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ (VIMCERTS 061);

- Tên mẫu, vị trí lấy mẫu, tên khách hàng, mục đích được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

Vị trí lấy mẫu:

+ M₁ (NM₄₄₅): Tại hồ Trật Hóp, điểm cách khu vực cơ sở khoảng 300m về phía Bắc.

Trưởng phòng thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 12 tháng 6 năm 2023.

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Đặng Minh Hoàng



Số: 93 /TNK - QTMT
No:

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/1
Page:

- Tên mẫu:** Môi trường không khí.
- Khách hàng:** HTX nông nghiệp công nghệ cao Võ Thuận.
Địa chỉ: Thôn Võ Thuận 1, xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích:** Báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 1 năm 2023 tại Trang trại nông nghiệp công nghệ cao tổng hợp.
- Vị trí quan trắc:** 03
- Kí hiệu:** K₁ – K₃.
- Ngày nhận mẫu:** 01/6/2023
- Ngày phân tích:** 01-12/6/2023.
- Kết quả:**

TT	Chỉ tiêu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị tính	Kết quả		
				K ₁	K ₂	K ₃
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	°C	33	32	32
2	CO	HD-TN-CO	µg/m ³	<3.000	<3.000	<3.000
3	NO ₂	TCVN 6137-2009	µg/m ³	38,5	33,3	48,6
4	SO ₂	TCVN 5971:1995	µg/m ³	67,6	65,7	79,3
5	Bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067: 1995	µg/m ³	59	55	63

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra.
- Tên mẫu, vị trí quan trắc, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

Vị trí quan trắc:

- K₁ (K₄₄₈): Tại khu vực chuồng nuôi nhốt;
- K₂ (K₄₄₉): Tại khu vực xử lý nước thải;
- K₃ (K₄₅₀): Tại khu vực tuyến đường phía Bắc cơ sở.

Trưởng phòng Thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 12 tháng 6 năm 2023.

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Đặng Minh Hoàng



Số: 150/TNK-QTMT

No:

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/1

Page:

- Tên mẫu:** Tiếng ồn (Trung bình giờ)
- Khách hàng:** HTC Nông nghiệp Công nghệ cao Võ Thuận
Địa chỉ: Thôn Võ Thuận 1, xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
- Mục đích:** Báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 1 năm 2023
tại Trang trại nông nghiệp công nghệ cao tổng hợp
- Số điểm đo:** 03
- Ngày quan trắc:** 31/5/2023
- Kết quả:**

TT	Vị trí	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả (ĐVT: dBA)	TCVN 3985:1999	QCVN 26: 2010/BTNMT
1	Tại khu vực chuồng nuôi nhốt	TCVN 7878-2:2018	69,7	≤ 85	-
2	Tại khu vực xử lý nước thải		65,2	≤ 85	-
3	Tại khu vực tuyến đường phía Bắc cơ sở		68,8	-	≤ 70

Ghi chú: Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm đo. w
(-) Không quy định

Trưởng phòng Quan trắc
Head of Monitor

Đinh Xuân Trường

Đồng Hới, ngày 22 tháng 6 năm 2023.

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng